

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK R'ÍTÍH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch	
Ông Chu Văn Quyền	Thành viên	
Ông Trần Quang Hào	Thành viên	
Ông Nguyễn Cao Hoàng Bản	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Nguyễn Trọng Tĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Sái Thanh Hoan	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tĩnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bạch Kim Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/10/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Võ Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Nguyễn Văn Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Châu Văn Quyền

Tổng Giám đốc

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang theo dõi khoản nợ phải trả cho Công ty Beijing IWHR Corporation liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đăk R'Tiê trên khoản mục Phải trả dài hạn khác với số tiền 60.402.708.907 VND. Công ty vẫn chưa liên lạc được với Công ty Beijing IWHR Corporation nên chưa thể thương thảo và xác định các nghĩa vụ liên quan đến khoản công nợ phải trả này (Xem thuyết minh số 17 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Lâm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1859-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		280.699.944.703	349.427.209.251
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.608.124.911	92.498.470.458
111	1. Tiền		22.008.124.911	2.498.470.458
112	2. Các khoản tương đương tiền		600.000.000	90.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		256.140.380.642	254.138.780.932
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	104.744.043.437	107.395.942.029
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.806.104.561	1.209.190.536
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	149.965.496.781	146.105.672.810
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(375.264.137)	(572.024.443)
140	IV. Hàng tồn kho	9	910.207.665	1.363.647.350
141	1. Hàng tồn kho		910.207.665	1.363.647.350
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.041.231.485	1.426.310.511
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.040.450.002	957.891.119
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		781.483	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	468.419.392
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.394.465.883.143	2.576.542.402.618
220	II. Tài sản cố định		2.372.337.217.981	2.569.086.087.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.035.449.232.970	2.218.161.102.675
222	- Nguyên giá		3.053.468.754.817	3.052.012.115.317
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.018.019.521.847)	(833.851.012.642)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	336.887.985.011	350.924.984.387
228	- Nguyên giá		453.570.907.129	453.570.907.129
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(116.682.922.118)	(102.645.922.742)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.942.428.565	3.543.498.511
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.942.428.565	3.543.498.511
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		15.289.517.808	-
251	0. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4	15.289.517.808	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.896.718.789	3.912.817.045
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.696.718.789	3.912.817.045
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	200.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.675.165.827.846	2.925.969.611.869

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.228.023.586.095	1.418.956.666.337
310	I. Nợ ngắn hạn		483.451.340.062	378.839.412.057
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	302.865.993	475.117.455
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		300.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	39.732.539.539	11.261.583.817
314	4. Phải trả người lao động		1.699.032.730	1.411.489.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.391.391.427	896.013.113
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	27.671.194.116	4.525.914.931
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	383.213.033.853	336.569.174.318
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.141.282.404	23.700.119.023
330	II. Nợ dài hạn		744.572.246.033	1.040.117.254.280
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	169.417.254.279	169.417.254.280
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	575.154.991.754	870.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.447.142.241.751	1.507.012.945.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.447.142.241.751	1.507.012.945.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		115.256.171.173	115.256.171.173
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		20.786.574.982	20.786.574.982
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		311.099.495.596	370.970.199.377
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	192.000.000.000
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		311.099.495.596	178.970.199.377
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.675.165.827.846	2.925.969.611.869

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hữu

Sái Thanh Hoan



Chu Văn Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	644.019.806.206	514.348.838.062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		644.019.806.206	514.348.838.062
11	4. Giá vốn hàng bán	22	226.318.514.774	227.141.153.436
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		417.701.291.432	287.207.684.626
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.120.000.280	341.458.839
22	7. Chi phí tài chính	24	77.814.645.070	86.392.163.446
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		77.814.645.070	86.392.163.446
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.772.715.754	10.800.609.371
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		330.233.930.888	190.356.370.648
31	11. Thu nhập khác	26	1.036.432.813	646.452.595
32	12. Chi phí khác	27	476.219.349	697.106.817
40	13. Lợi nhuận khác		560.213.464	(50.654.222)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		330.794.144.352	190.305.716.426
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	16.894.648.756	9.535.517.049
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	(200.000.000)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>314.099.495.596</u>	<u>180.770.199.377</u>

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hữu



Sái Thanh Hoan




Chu Văn Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		330.794.144.352	190.305.716.426
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		198.205.508.581	197.911.943.758
03	- Các khoản dự phòng		(196.760.306)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.120.000.280)	(225.386.742)
06	- Chi phí lãi vay		77.814.645.070	86.392.163.446
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		605.497.537.417	474.384.436.888
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.685.120.887)	67.787.777.625
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		453.439.685	(21.820.854)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		29.588.371.427	75.731.626.095
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.133.539.373	(488.797.698)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(64.199.614.514)	(91.434.443.448)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.185.873.123)	(10.212.651.397)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		32.439.427.346	95.823.219.594
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.635.465.872)	(107.887.169.885)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		556.406.240.852	503.682.176.920
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.855.569.554)	(4.079.719.889)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.200.000.000)	(141.410.529.520)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.384.500.280	76.958.839
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.671.069.274)	(145.393.290.570)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		183.396.832.066	381.407.852.741
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(432.297.980.777)	(507.372.217.977)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(360.724.368.414)	(149.824.556.005)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(609.625.517.125)	(275.788.921.241)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(69.890.345.547)	82.499.965.109
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		92.498.470.458	9.998.505.349
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	22.608.124.911	92.498.470.458

Người lập

Nguyễn Văn Hữu

Kế toán trưởng

Sái Thanh Hoan

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

Châu Văn Quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 05/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/03/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/ cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện);
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác thủy sản nội địa; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, đầu tư thủy điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017 nhờ lượng mưa nhiều, lượng nước đổ về nhiều khiến các nhà máy hoạt động hết công suất làm cho doanh thu sản xuất điện tăng trong khi giá vốn ít biến động (chủ yếu là các chi phí cố định) vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty tăng.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 là:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi tích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng	Số 39, Hai Bà Trưng, P.1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	Sản xuất điện năng.

Trong năm, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Thủy điện Bảo Lâm Lâm Đồng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Dự án nhà máy Thủy điện Bảo Lâm có tổng mức đầu tư khoảng 320 tỷ VND. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120 tỷ VND. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 là 1 tỷ VND. Công ty thực hiện góp vốn theo tiến độ dự án.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	30 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chốt quyền chia cổ tức của Công ty.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Điểm a, Điều 19 và Điều 20, Chương VI, Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012, Công ty thuộc diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư trong địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Năm 2017 là năm thứ 06 Công ty hưởng ưu đãi thuế TNDN.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	58.285.471	24.824.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.949.839.440	2.473.646.172
Các khoản tương đương tiền	600.000.000	90.000.000.000
	22.608.124.911	92.498.470.458

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK R' TÍH

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar ⁽¹⁾	15.289.517.808	-	-	-
	15.289.517.808	-	-	-

(1) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 04/2017/BB--HĐQT/DaHC ngày 24/04/2017 thông qua chủ trương mua lại 60% cổ phần Công ty CP Thủy điện Đắk Ka (trong đó Công ty CP Thủy điện Đắk R'Tiê mua 15%; cổ đông khác mua 45%). Vốn điều lệ Công ty CP Thủy điện Đắk Ka là 120.000.000.000 VND.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Lĩnh vực kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar (1)	Xã Đắk Ha, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông.	15,00%	15,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn	VND	VND
- Công ty Mua bán điện	102.757.366.802	107.011.251.149
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	1.898.609.515	-
- Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	-	330.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	88.067.120	54.690.880
	104.744.043.437	107.395.942.029

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	397.623.606	-	183.000.899	-
Công ty CP kiến trúc cảnh quan Mạnh Cường An	-	-	139.524.443	(139.524.443)
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ và Dịch vụ Tiên Phong	66.855.360	-	162.052.000	-
Viện khoa học thủy lợi Miền Nam	-	-	179.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dòng điện Việt	-	-	247.368.000	-
Liên hiệp khoa học công nghệ môi trường và phát triển bền vững	411.600.000	-	-	-
Công ty TNHH DONAVITA	244.238.259	-	-	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1	105.600.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiên Hoàng Gia	200.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	380.187.336	-	298.245.194	(17.500.000)
	1.806.104.561	-	1.209.190.536	(157.024.443)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	264.500.000	-
- Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN	4.296.036	-	4.762.180	-
- Tạm ứng	7.759.557.466	-	3.507.141.654	-
- Ký cược, ký quỹ (1)	141.410.529.520	-	141.410.529.520	-
- Phải thu tiền cho Ông Võ Văn Hải mượn (2)	-	-	415.000.000	(415.000.000)
- Phải thu khoản chi hộ Công ty CP Đông Quỳnh Biên	375.264.137	(375.264.137)	375.264.137	-
- Phải thu Công ty CP Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	415.849.622	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	128.475.319	-
	149.965.496.781	(375.264.137)	146.105.672.810	(415.000.000)

(1) Đặt cọc mua trọn lô toàn bộ 110.865.236 cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các đơn vị thành viên tại các công ty thủy điện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).

(2) Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê số 06/2017/BB-HĐQT/DaHC ngày 16/06/2017.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Kiến trúc Cảnh quan Mạnh Cường An (*)	-	-	139.524.443	-
- Ông Võ Văn Hải (*)	-	-	415.000.000	-
- Công ty CP Đông Quỳnh Biên	375.264.137	-	-	-
- Chi nhánh Công ty CP Thông tin và thẩm định giá miền Trung (*)	-	-	17.500.000	-
	375.264.137	-	572.024.443	-

(*) Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê số 06/2017/BB-HĐQT/DaHC ngày 16/06/2017.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	106.800.000	-	123.550.350	-
Công cụ, dụng cụ	485.171.000	-	1.240.097.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	318.236.665	-	-	-
	910.207.665	-	1.363.647.350	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án xây dựng khu nhà phục vụ vận hành	-	196.716.091
- Dự án mở rộng nhà máy Đắk R'tiê	406.022.400	406.022.400
- Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm	2.450.428.148	1.580.790.060
- Dự án xây dựng khu văn hóa sinh thái	-	211.080.750
- Dự án thi công lưới chắn rác cửa cấp nước	695.893.300	-
- Các công trình khác	309.298.417	69.786.910
Mua sắm tài sản cố định		
- Quyền sử dụng đất	1.080.786.300	1.079.102.300
	4.942.428.565	3.543.498.511

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.104.895.441.369	938.757.654.360	6.413.952.183	1.945.067.405	3.052.012.115.317
- Mua trong năm	-	795.600.000	-	44.127.000	839.727.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	261.960.700	354.951.800	-	-	616.912.500
Số dư cuối năm	2.105.157.402.069	939.908.206.160	6.413.952.183	1.989.194.405	3.053.468.754.817
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	475.506.619.487	353.773.880.531	3.715.532.146	854.980.478	833.851.012.642
- Khấu hao trong năm	65.493.823.243	117.516.618.225	768.447.576	389.620.161	184.168.509.205
Số dư cuối năm	541.000.442.730	471.290.498.756	4.483.979.722	1.244.600.639	1.018.019.521.847
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.629.388.821.882	584.983.773.829	2.698.420.037	1.090.086.927	2.218.161.102.675
Tại ngày cuối năm	1.564.156.959.339	468.617.707.404	1.929.972.461	744.593.766	2.035.449.232.970

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.035.449.232.635 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.787.884.092 VND.



12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	453.492.226.723	78.680.406	453.570.907.129
Số dư cuối năm	453.492.226.723	78.680.406	453.570.907.129
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	102.567.242.336	78.680.406	102.645.922.742
- Khấu hao trong năm	14.036.999.376	-	14.036.999.376
Số dư cuối năm	116.604.241.712	78.680.406	116.682.922.118
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	350.924.984.387	-	350.924.984.387
Tại ngày cuối năm	336.887.985.011	-	336.887.985.011

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm nhà máy	884.381.617	794.554.605
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	156.068.385	163.336.514
	1.040.450.002	957.891.119
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	4.078.941
Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư	1.009.030.390	2.189.517.093
Chi phí trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 27/08/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông	687.688.399	1.719.221.011
	1.696.718.789	3.912.817.045

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Chứng khoán quốc tế Việt Nam	44.488.220	44.488.220	-	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	49.990.203	49.990.203	-	-
- Công ty CP Dầu khí Quốc tế Việt An	-	-	135.905.385	135.905.385
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	142.878.070	142.878.070	142.878.070	142.878.070
- Phải trả các đối tượng khác	65.509.500	65.509.500	196.334.000	196.334.000
	302.865.993	302.865.993	475.117.455	475.117.455

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	170.191.692	196.458.408
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.188.895.901	3.913.264.315
- Phải trả tiền thuế GTGT được khấu trừ của Dự án thủy điện Đắk R'Tiê cho Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP theo hướng dẫn tại Công văn số 1225/CT-KK&KTT của Cục thuế tỉnh Đắk Nông ngày 13/11/2017	19.312.106.523	-
- Phải trả tiền tạm thu bồi thường của Công ty Cổ phần Thủy Điện Á Đông	-	416.192.208
	27.671.194.116	4.525.914.931
b) Dài hạn		
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	12.886.548.173	12.886.548.173
- Phải trả Công ty Beijing IWHR Corporation chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê (2)	60.402.708.907	60.402.708.907
- Phải trả Công ty Cổ phần 389 chi phí liên quan đến giá trị quyết toán công trình nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê	1.201.682.532	1.201.682.532
- Phải trả Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt tiền hợp tác đầu tư (1)	51.765.412.789	94.926.314.668
- Phải trả Công ty TNHH Một thành viên Rồng Việt (1)	24.777.532.992	-
- Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn (1)	18.383.368.886	-
	169.417.254.279	169.417.254.280

(1) Các bên gồm: Công ty CP Thủy điện Đắk R'Tiê; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt; Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt và Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn đã cùng nhau ký Thỏa thuận hợp tác góp vốn đầu tư số 01/HTĐT/2016 ngày 15/09/2016. Theo đó, các bên thống nhất góp vốn và ủy thác cho Công ty CP Thủy điện Đắk R'Tiê thay mặt các bên tham gia mua thỏa thuận trọn lô 110.865.236 cổ phần của các công ty thủy điện thành viên thuộc Tập đoàn cao su bao gồm: Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn, Công ty CP VRG Bảo Lộc, Công ty CP VRG Đắk Nông, Công ty CP VRG Phú Yên và Công ty CP VRG Ngọc Linh với tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng số 3785/HĐ-CSVN ngày 08/12/2016 là 1.415.859.028.150 VND.

Tỷ lệ góp vốn của các bên để thực hiện Dự án được thống nhất như sau: Công ty CP Thủy điện Đắk R'Tiê 25%; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt 45%; Công ty TNHH MTV Đầu tư Rồng Việt 17,5% và Công ty TNHH Đầu tư TAD Sài Gòn 12,5%.

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã trúng thầu và đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(2) Theo Biên bản bàn giao Nhà máy thủy điện Đắk R'Tiê ngày 29/05/2015 giữa Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên (CC1) với Công ty CP Thủy điện Đắk R'Tiê (DaHC) thì đây là khoản tạm thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng số DT-01 TBCD của nhà thầu IWHR Corporation Trung Quốc. Khoản tiền này Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP chuyển lại cho Công ty giữ để thực hiện các nghĩa vụ còn lại với nhà thầu IWHR Corporation (nếu có).

- Mọi tranh chấp sau này với nhà thầu IWHR Corporation do CC1 và DaHC cùng chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh sẽ sử dụng số tiền trên chi trả. Khi chi phí vượt số tiền trên thì hai bên cùng thương thảo.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	186.569.174.318	186.569.174.318	158.941.840.312	282.297.980.777	63.213.033.853	63.213.033.853
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	140.286.029.600	140.286.029.600	76.713.021.059	190.177.989.115	26.821.061.544	26.821.061.544
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông ⁽³⁾	46.283.144.718	46.283.144.718	42.431.757.568	62.175.298.232	26.539.604.054	26.539.604.054
- Vay cá nhân	-	-	19.797.061.685	9.944.693.430	9.852.368.255	9.852.368.255
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng Vietinbank- Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	150.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000
	150.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000
	<u>336.569.174.318</u>	<u>336.569.174.318</u>	<u>478.941.840.312</u>	<u>432.297.980.777</u>	<u>383.213.033.853</u>	<u>383.213.033.853</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Vietinbank- Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	1.020.700.000.000	1.020.700.000.000	24.454.991.754	150.000.000.000	895.154.991.754	895.154.991.754
	<u>1.020.700.000.000</u>	<u>1.020.700.000.000</u>	<u>24.454.991.754</u>	<u>150.000.000.000</u>	<u>895.154.991.754</u>	<u>895.154.991.754</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)	(320.000.000.000)	(150.000.000.000)	(320.000.000.000)	(320.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>870.700.000.000</u>	<u>870.700.000.000</u>			<u>575.154.991.754</u>	<u>575.154.991.754</u>

H.H.H.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT908- DAKRTIH ngày 10/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 029/2017/HDHMTD/CMB-HCM ngày 31/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh điện, thanh toán các loại thuế, phí trồng rừng;
 - + Thời hạn cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2017/2242190/HĐTD ngày 22/12/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh điện, thanh toán các loại thuế, phí môi trường, lương CBCNV, thanh toán các hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- (4.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTDDA/NHCT908-DAKRTIH ngày 17/08/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ khoản vay dài hạn tại ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông để đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đắk R'ti;
 - + Thời hạn cho vay: 62 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 870.700.000.000 VND, nợ dài hạn đến hạn trả là 320.000.000.000 VND.
- (4.2) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2017/-HĐCVDADT/NHCT908-DAKRTIH ngày 04/12/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán bù đắp các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Đắk R'ti (bao gồm cả chi phí đã phát sinh trên 36 tháng);
 - + Thời hạn cho vay: 54 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 24.454.991.754 VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Ti

Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	115.256.171.173	20.786.574.982	344.604.852.596	1.480.647.598.751
Lãi trong năm trước	-	-	-	180.770.199.377	180.770.199.377
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.205.516.098)	(2.205.516.098)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	(399.336.498)	(399.336.498)
Tạm trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2016	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Trích cổ tức năm 2015	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	115.256.171.173	20.786.574.982	370.970.199.377	1.507.012.945.532
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	115.256.171.173	20.786.574.982	370.970.199.377	1.507.012.945.532
Lãi trong năm nay	-	-	-	314.099.495.596	314.099.495.596
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.962.497.383)	(5.962.497.383)
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (*)	-	-	-	(7.701.994)	(7.701.994)
Tạm trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích cổ tức năm 2016 (*)	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Trích cổ tức từ lợi nhuận lũy kế còn lại đến năm 2016 (*)	-	-	-	(215.000.000.000)	(215.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.000.000.000.000	115.256.171.173	20.786.574.982	311.099.495.596	1.447.142.241.751

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DaHC ngày 19/05/2017 và Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ/DaHC ngày 07/11/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 và phân phối lợi nhuận lũy kế còn lại từ năm 2012 đến năm 2016 như sau (Trong đó, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát đã được tạm trích trong năm 2016 số tiền 1,8 tỷ VND):

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lũy kế đến năm 2016	100,00	372.770.199.377
Trích Quỹ khen thưởng (3% LNST năm 2016)	1,45	5.423.105.981
Trích Quỹ phúc lợi	0,14	539.391.402
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (1% LNST năm 2016)	0,48	1.807.701.994
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	40,24	150.000.000.000
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2016 (bằng 21,5% vốn điều lệ)	57,68	215.000.000.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	-	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	40,07	400.696.600.000	40,07	400.696.600.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	18,83	188.327.830.000	18,83	188.327.830.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	10,00	100.000.000.000	10,00	100.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Rồng Việt	6,02	60.162.500.000	6,02	60.162.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt	5,59	55.903.650.000	5,59	55.903.650.000
Các cổ đông khác	19,49	194.909.420.000	19,49	194.909.420.000
	100,00	1.000.000.000.000	100,00	1.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	365.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	365.000.000.000	150.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

e) Các quỹ công ty	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	115.256.171.173	115.256.171.173
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.786.574.982	20.786.574.982
	136.042.746.155	136.042.746.155
20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Kiến trúc Cảnh quan Mạnh Cường An	139.524.443	-
Ông Võ Văn Hải	415.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá miền Trung	17.500.000	-
	572.024.443	-
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện	640.499.861.391	513.528.838.062
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.519.944.815	820.000.000
	644.019.806.206	514.348.838.062
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn điện đã bán	223.132.609.409	226.390.610.415
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.185.905.365	750.543.021
	226.318.514.774	227.141.153.436
23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.120.000.280	341.458.839
	1.120.000.280	341.458.839
24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	77.814.645.070	86.392.163.446
	77.814.645.070	86.392.163.446

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	726.344.457	958.924.924
Chi phí nhân viên quản lý	6.060.405.170	6.077.673.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	607.793.156	393.404.332
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	113.281.213
Chi phí dự phòng	375.264.137	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.496.894.239	1.738.868.416
Chi phí khác bằng tiền	1.503.014.595	1.518.457.000
	10.772.715.754	10.800.609.371

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng	536.872.510	612.254.218
Thu tiền bồi thường của Công ty Cổ phần Thủy Điện Á Đông	416.192.208	-
Thu nhập khác	83.368.095	34.198.377
	1.036.432.813	646.452.595

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	116.072.097
Chi phí cho thuê nhà kho, bè cá	340.850.342	412.364.126
Chi phí nộp phạt hành chính, bồi thường	104.018.007	24.977.685
Chi phí khác	31.351.000	143.692.909
	476.219.349	697.106.817

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	16.894.648.756	9.535.517.049
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.894.648.756	9.535.517.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(468.419.392)	208.714.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.185.873.123)	(10.212.651.397)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.240.356.241	(468.419.392)

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	200.000.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	200.000.000	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(200.000.000)	-
	(200.000.000)	-

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.260.540.582	4.243.157.032
Chi phí nhân công	20.504.057.048	22.493.726.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.205.508.581	197.911.943.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.805.455.296	9.120.005.109
Chi phí khác bằng tiền	4.337.757.836	4.380.625.806
	234.113.319.343	238.149.457.745

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.608.124.911	-	92.498.470.458	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	254.709.540.218	(375.264.137)	253.501.614.839	(415.000.000)
Đầu tư dài hạn	15.289.517.808	-	-	-
	292.607.182.937	(375.264.137)	346.000.085.297	(415.000.000)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			958.368.025.607	1.207.269.174.318
Phải trả người bán, phải trả khác			197.391.314.388	174.418.286.666
Chi phí phải trả			8.391.391.427	896.013.113
			1.164.150.731.422	1.382.583.474.097

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.608.124.911	-	-	22.608.124.911
Phải thu khách hàng, phải thu khác	254.334.276.081	-	-	254.334.276.081
Đầu tư dài hạn	-	-	15.289.517.808	15.289.517.808
	276.942.400.992	-	15.289.517.808	292.231.918.800
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.498.470.458	-	-	92.498.470.458
Phải thu khách hàng, phải thu khác	253.086.614.839	-	-	253.086.614.839
	345.585.085.297	-	-	345.585.085.297

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	383.213.033.853	575.154.991.754	-	958.368.025.607
Phải trả người bán, phải trả khác	27.974.060.109	169.417.254.279	-	197.391.314.388
Chi phí phải trả	8.391.391.427	-	-	8.391.391.427
	419.578.485.389	744.572.246.033	-	1.164.150.731.422
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	336.569.174.318	870.700.000.000	-	1.207.269.174.318
Phải trả người bán, phải trả khác	5.001.032.386	169.417.254.280	-	174.418.286.666
Chi phí phải trả	896.013.113	-	-	896.013.113
	342.466.219.817	1.040.117.254.280	-	1.382.583.474.097

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	183.396.832.066	381.407.852.741
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	432.297.980.777	507.372.217.977

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng và bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Nhận nợ vay			
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	20.000.000.000	30.000.000.000
Trả nợ vay			
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	20.000.000.000	30.000.000.000
Trả lãi vay			
Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch HĐQT	168.583.333	594.666.667
- Chi trả cổ tức			
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH Một Cổ đông lớn thành viên (CC1)		146.254.259.000	60.104.490.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Cổ đông lớn Rừng Việt		21.959.312.500	-
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương mại Cổ đông lớn Bách Việt		75.729.835.000	30.616.174.500
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Cổ đông lớn Bách Việt		20.404.832.250	-
Công ty CP Tập đoàn SSG	Cổ đông lớn	36.500.000.000	15.000.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải trả khác			
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	32.198.654.696	12.886.548.173

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.190.818.665	2.462.315.495
Thu nhập của Tổng Giám đốc	706.225.684	777.438.409

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2017 là năm đầu tiên hợp nhất nên số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc






Nguyễn Văn Hữu

Sái Thanh Hoan

Chu Văn Quyền